

LÚA GẠO Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VỚI AN NINH LƯƠNG THỰC QUỐC GIA

Dương Văn Chín
Viện lúa đồng bằng sông Cửu long
Tân Thành-Thới Lai – Cần Thơ
duongvanchin@hem.vnn.vn

Tóm tắt: Lúa là cây trồng quan trọng nhất tại Việt nam. Đồng bằng sông Cửu long là vùng trồng lúa quan trọng nhất của cả nước với sản lượng chiếm khoảng 50% tổng sản lượng lương thực cả nước và 90% lượng gạo xuất khẩu hàng năm. Đồng bằng góp phần quan trọng vào việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia (ANLTQG). Tuy nhiên hiện nay vùng này đang phải đối mặt với những thách thức ngày càng nghiêm trọng như biến đổi khí hậu toàn cầu làm cho nước biển dâng cao gây ngập úng sâu hơn và lâu hơn, nước mặn xâm nhập sâu hơn vào đất liền. Diện tích đất trồng lúa giảm do quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và chuyển đất lúa sang nuôi trồng thủy sản hoặc trồng cây ăn trái ... Diện tích đất canh tác lúa trên đầu người thấp và manh mún. Những khiếm khuyết trong bản thân ngành lúa gạo như: kết cấu hạ tầng chưa được đầu tư đúng mức đặc biệt là sân phơi, lò sấy và kho chứa lúa. Lúa được trồng quanh năm nên sâu bệnh phát triển gây hại liên tục, công nghệ sau thu hoạch yếu kém, giống lúa được tạo ra nhiều nhưng chưa có những giống chủ lực chiến lược, công nghệ hạt giống còn non trẻ. Công ty kinh doanh lương thực không có vùng nguyên liệu tập trung mà chỉ thu mua gạo từ tư thương mà không mua lúa trực tiếp từ nông dân. Chưa có chính sách nhất quán và lâu dài về giá tối thiểu để đảm bảo nông dân trồng lúa luôn có lời. Một số giải pháp được đề xuất để giữ đất lúa ổn định lâu dài và chính quyền trung ương cũng như địa phương cần dùng ngân sách để đầu tư thỏa đáng cho ngành trồng lúa trong vùng giúp nông dân phấn khởi, an tâm trồng lúa góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

Từ khóa: Sản xuất lúa gạo, đồng bằng sông Cửu long, an ninh lương thực.

1) Đặt vấn đề:

An ninh lương thực của Việt nam ở góc độ toàn quốc đang được đảm bảo trong đó vai trò sản xuất và cung ứng lúa gạo là quan trọng. Tuy nhiên nếu xét ở mức độ hộ gia đình thì vẫn còn những hộ đói. Nếu xét về khía cạnh dinh dưỡng thì Việt nam vẫn còn nhiều người suy dinh dưỡng. Báo cáo mới nhất về tình hình nông nghiệp và an ninh lương thực vùng châu Á- Thái Bình Dương do Liên hiệp quốc công bố ngày 24/4/2009, tám nước Đông Nam Á trong đó có Việt nam, nằm trong danh sách 26 quốc gia là những điểm nóng về an ninh lương thực của khu vực. Điều đáng chú ý là ở nông thôn 60% năng lượng dinh dưỡng vẫn từ lương thực. Từ "lương thực" theo nghĩa tiếng Việt chỉ những nông sản có chứa tinh bột. Do đó, nếu nói "an ninh lương thực" là chưa đủ. Theo nghĩa tiếng Anh, "food" có nghĩa bao hàm cả lương thực và thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cho con người. Hơn nữa, việc tiêu dùng lương thực và thực phẩm có quan hệ chặt chẽ với nhau. Thông thường, nếu tiêu dùng nhiều thực phẩm (thịt, rau, đậu, sữa, trứng, quả) sẽ tiêu dùng lương thực ít hơn (Đỗ Kim Chung và Lưu Văn Duy, 2009). Khái niệm an ninh lương thực được hiểu ở các khía cạnh sau: (i) Sự đảm bảo khả năng của tất cả các thành viên trong xã hội, không phân biệt người có thu nhập cao hay thấp, ở vị trí nào, nhất là những nhóm dân cư dễ bị tổn thương đều có khả năng tiếp cận tới lương thực thực phẩm, (ii) Đảm bảo cho các thành viên đó ở mọi nơi, từ vùng gần đô thị đến vùng sâu, vùng xa, từ thành thị đến nông thôn đều tiếp cận đủ lương thực, thực phẩm, (iii) Mọi thành viên trong xã hội trong mọi lúc- dù ở lúc có thu hoạch hay giáp hạt đều có đủ lương thực, thực phẩm cho cuộc sống khỏe mạnh và hiệu quả. Trong mọi lúc có nghĩa là một quốc gia hoặc một hộ gia đình hoặc một cá nhân trong mọi thời điểm kể cả trong các trường hợp gặp phải các cú sốc bất thường (như khủng hoảng kinh tế hoặc chịu ảnh hưởng của thiên tai) cũng phải tiếp cận được với nguồn lương thực phù hợp (Đỗ Kim Chung và Lưu Văn Duy, 2009). Cây lúa là cây quan trọng nhất ở Việt nam và lúa gạo đã đóng góp một vai trò quan trọng trong an ninh lương thực quốc gia. Ở nước ta 7,3 triệu ha được sử dụng cho nông nghiệp, trong đó 4,3 ha cho lúa; 1,3 triệu ha cho trồng cây đa niên và 0,3 triệu ha cho đồng cỏ (FAO, 1999). Lúa vẫn là

cây trồng chủ lực chiếm tới 82% diện tích đất canh tác và cung cấp 93% tổng cộng hạt lương thực (FAO, 1999) và lúa gạo được sản xuất chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu long và đồng bằng sông Hồng (FAO, 1999). Chi riêng vựa lúa ĐBSCL cung cấp hơn 50% sản lượng lúa gạo cả nước và 90% lượng gạo xuất khẩu.

Một cách tổng quát, sản xuất lương thực đã gia tăng 19% từ năm 1996 đến năm 2000 (MARD, 2001). Mặc dù chịu ảnh hưởng bởi vùng miền, dân tộc, văn hóa, thu nhập và hệ thống nông nghiệp khác nhau, chi tiêu cho lương thực trong gia đình chiếm khoảng 47% năm 1998 (MARD, 2001). Trong tất cả các sản phẩm hàng hóa sản xuất ra trong gia đình, gạo là sản phẩm được dự trữ để tiêu dùng trong gia đình quan trọng nhất, bất luận gia đình đó là bán hay mua lúa gạo (Oxfarm 2001). Trong năm 1998, trong nhóm người nghèo nhất dành 51 %nguồn tài chính cho lương thực trong đó nhóm giàu nhất là 16% (Oxfarm, 2001).

Gạo là nguồn năng lượng chủ yếu và nó cung cấp 78% tổng cộng năng lượng, nhưng ở miền núi, trung du, lúa không được trồng phổ biến nên người dân ăn thêm củ mì, khoai lang, bắp ... (FAO, 1999). Trung bình người dân sử dụng 57 gam protein mỗi ngày, trong đó 78% từ nguồn thực vật và 19% từ động vật (FAO, 1999). Kết quả nghiên cứu từ năm 1989 đến 1995 cho thấy năng lượng hấp thụ hàng ngày mỗi người Việt nam duy trì ở mức khoảng 1.925 Kcalo thấp hơn mức khuyến cáo là 2.300 Kcalo / ngày / người. Năm 2001, còn có khoảng 16 triệu người suy dinh dưỡng đặc biệt là ở các nhóm dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em, ngư dân, dân tộc thiểu số, trẻ em đường phố và người thất nghiệp (MARD, 2001).

II) Các thành tựu đảm bảo an ninh lương thực và vai trò của đồng bằng sông Cửu long

Thành tựu nổi bật nhất về kinh tế của Việt nam sau hơn 20 năm đổi mới là phát triển nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực đã đáp ứng được nhu cầu trong nước, đảm bảo dự trữ quốc gia và liên tục xuất khẩu gạo. Tỷ lệ nghèo lương thực đã giảm từ 35,6% (giai đoạn 1998-1999) xuống còn 11,9%(giai đoạn 2002-2003). Trong thời kỳ 2001-2005, xuất khẩu gạo tăng liên tục cả về số lượng và kim ngạch, lượng gạo xuất khẩu bình quân cả giai đoạn đạt 4,019 triệu tấn / năm, so với 1,734 triệu tấn / năm thời kỳ 1991-1995 và 3,66 triệu tấn thời kỳ 1996-2000 (Dương Ngọc Thúy và Phạm Hoàng Ngân, 2009). Năm 2005 là năm đầu tiên xuất khẩu gạo vượt 5 triệu tấn, đạt mức 5,3 triệu tấn, kim ngạch đạt 1,34 tỉ USD. Đây là mức cao nhất đạt được trên cả ba chỉ tiêu số lượng, kim ngạch và giá cả xuất khẩu kể từ khi Việt nam chính thức tham gia thị trường gạo thế giới. Năm 2008, xuất khẩu gạo của Việt nam đạt 4,8 triệu tấn, với trị giá 2,87 tỉ USD, tăng 5,9% về lượng nhưng tăng tới 95,3% về giá trị so với năm 2007. Trị giá xuất khẩu gạo cả năm 2008 của Việt nam tăng mạnh so với 2007 là do gạo xuất khẩu được giá cao trong những tháng đầu năm 2008 (Dương Ngọc Thúy và Phạm Hoàng Ngân, 2009). Duy trì liên tục được lượng gạo xuất khẩu khoảng ba bốn triệu tấn hàng năm là biểu hiện của sự sẵn có gạo đầy đủ cho nhân dân. Lượng gạo xuất khẩu là kho dự trữ quốc gia di động. Vai trò của ĐBSCL trong vấn đề này là rất lớn với hơn 90% lượng gạo xuất khẩu hàng năm đến từ vùng này. Có được thành tích như trên là nhờ sự đầu tư thích đáng của nhà nước vào việc phát triển các công trình thủy lợi, gia tăng diện tích đất trồng lúa có tưới, phát huy tác dụng được yếu tố giống và các giải pháp kỹ thuật khác. Kể từ năm 1975 đến 1995, diện tích lúa có nước tưới ở Việt nam tăng gấp 3,7 lần. Hiện nay, diện tích được tưới chiếm 85% diện tích canh tác lúa. Hệ thống công trình thủy lợi ngăn mặn, trữ ngọt vùng ĐBSCL từng bước được hoàn thiện, tiêu biểu là các hệ thống đê, cống đập ngăn mặn và mạng kinh dẫn nước ngọt như Quản Lộ- Phụng Hiệp, Tiếp Nhật và Ba Rinh-Tà Liêm, bắc Bến Tre, Nam Măng Thít, Ô Môn Xà No..Kênh Hồng Ngự dẫn nước ngọt bổ sung từ sông Mêkong vào hệ thống sông Vàm Cỏ. Hệ thống tuy chưa thật sự hoàn chỉnh khép kín nhưng cũng đã phát huy hiệu quả cao trong những năm qua, giúp đẩy nhanh quá trình ngọt hóa tại các vùng khó khăn về nước, ổn định sản xuất nông nghiệp và góp phần to lớn vào chương trình đảm bảo an ninh lương thực và xuất khẩu (Vũ Văn Thặng, 2009). Nhiều công trình thủy lợi trở thành trục tiêu thoát nước cho nhiều thành phố đô thị, góp phần phòng chống ô nhiễm nguồn nước, phòng chống cháy rừng, ổn định cuộc sống, định canh định cư cho đồng bào (Vũ Văn Thặng, 2009). Nhờ tiến bộ về giống có thời gian sinh trưởng 85-90 ngày hoặc 90-100 ngày, kết hợp với hệ thống thủy lợi không ngừng được cải tạo, ĐBSCL trong 20 năm qua đã gia tăng diện tích Đông Xuân gấp 8 lần, Hè Thu tăng gấp 4,3 lần, và vụ mùa giảm 3,4 lần, với chiến lược tránh lũ (trồng trước và

sau lũ) (Bùi Chí Bửu, 2009). Cải tiến giống cây trồng là một hoạt động mang tính xã hội hoá rất cao. Có nhiều thành phần trong xã hội tham gia quá trình lai tạo chọn lọc giống lúa từ nhà khoa học, cán bộ quản lý ở các ban ngành trung ương và địa phương, cán bộ khuyến nông, bà con nông dân nhờ đó các nhà khoa học đã rút ngắn được quá trình nghiên cứu của mình từ phòng thí nghiệm ra đồng ruộng một cách rất hiệu quả (Bùi Chí Bửu, 2009). Việt nam cũng làm công tác khuyến nông rất thành công. Một cán bộ khuyến nông Việt nam phụ trách 3650 nông hộ, trong khi Thái lan và Philippines là 500-700 hộ. Chi phí khuyến nông cho 1 nông hộ là 8.500 đồng, so với Thái lan là 40-60 USD (tương đương từ 680.000 đồng đến 1.020.000 đồng) (Bùi Chí Bửu, 2009).

Phát triển sản xuất lúa gạo ở đồng bằng sông Cửu long nhằm mục tiêu: đảm bảo ANLTQG, xuất khẩu gạo dồi dào lấy ngoại tệ cho nhu cầu trong nước; tạo việc làm và thu nhập cho khoảng 80% trong tổng số trên 17 triệu dân trong vùng; góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và củng cố an ninh quốc phòng (Nguyễn Thế Bình, 2009).

III) Những thách thức và khiếm khuyết trong vùng

Biến đổi khí hậu toàn cầu: Đồng bằng sông Cửu long của Việt nam là một vùng đất thấp chịu ảnh hưởng nặng nề bởi biến đổi khí hậu toàn cầu. Khí thải gây hiệu ứng nhà kính làm nhiệt độ trái đất nóng lên, băng ở hai cực tan và nước biển dâng cao. Với kịch bản nước biển dâng cao hơn 1 m so với hiện trạng, diện tích mặt đất ngập sâu trên 1 m kéo dài trong vòng 1 tháng toàn đồng bằng chiếm 68% và diện tích bị nhiễm mặn với nồng độ trên 4 gram / lít là 1,7 triệu ha.

Xâm nhập mặn kết hợp với thiếu nước đầu nguồn của sông Mê công từ tháng 12 đến tháng 5 đã trở nên nghiêm trọng. Lưu lượng nước ngọt trên thượng nguồn đổ về vùng hạ du thấp, nhất trong tháng tư và có xu hướng càng ngày càng cạn kiệt do việc khai thác sử dụng nước ngày càng nhiều trên thượng nguồn. Điều này sẽ dẫn đến việc thiếu nước éo phen và đất càng ngày càng bị chua phèn.

Nhiệt độ trong mùa Đông ở ĐBSCL vẫn ấm mát. Nhiều nơi trong vùng có nước ngọt quanh năm. Do đó với các giống lúa cao sản có thời gian sinh trưởng ngắn trên dưới 90 ngày có thể trồng được quanh năm. Trên đồng lúa nào cũng có lúa đã tạo điều kiện cho một loại côn trùng quan trọng gây hại là rầy nâu sinh trưởng phát triển quanh năm. Đặc biệt rầy nâu trưởng thành mang mầm bệnh siêu vi trùng vàng lùn, lùn xoắn lá đang là mối đe dọa thường trực cho sản xuất lúa trong vùng.

Đất nông nghiệp nói chung và đất canh tác lúa nói riêng ở Việt nam rất thấp. Bình quân đất canh tác trên đầu người toàn thế giới là 0,23 ha; ở vùng châu Á Thái Bình dương là 0,15 ha; nhưng ở Việt nam chỉ có 0,11 ha / người. Nếu tính trên lao động nông thôn và trên diện tích đất lúa thì bình quân chỉ có 0,6 ha đất lúa / hộ và 0,38 ha / lao động nông thôn.

Trong vùng ĐBSCL này, đất đai vẫn còn manh mún, những mảnh ruộng nhỏ nên có khó khăn trong quá trình cơ giới hóa, trong khi đó quá trình tích tụ ruộng đất chưa diễn ra mạnh mẽ trong vùng. Chưa có được nhiều nông dân đạt được đến mức hạn điền 6 ha như mức cho phép hiện nay. Quá trình xây dựng hợp tác xã nông nghiệp quá chậm và những hợp tác xã hiện có là yếu kém. Trong giai đoạn 2001-2008, việc tích tụ đất lúa chưa nhiều, có khoảng 30.000 hộ thực hiện tích tụ khoảng 20.000 ha rải rác ở các địa phương nhưng tập trung chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu long (Lã Văn Lý, 2009). Ở khu vực đồng bằng sông Cửu long, quá trình tích tụ ruộng đất dưới hình thức chuyển nhượng (mua bán) là chính, chiếm tỷ lệ 95% tổng diện tích đất đai tích tụ. Bình quân diện tích đất đai tích tụ 4,8-10 ha / hộ, cá biệt có hộ 50-100 ha (Lã Văn Lý, 2009).

Quá trình công nghiệp ở những vùng phụ cận chưa phát triển cao nên chưa thu hút nhiều lao động nông thôn trong vùng và hiện nay lực lượng lao động trong nông nghiệp, nông thôn dôi dư vẫn còn lớn, chưa đủ điều kiện và cơ hội tìm kiếm việc làm mới, vẫn phải bám trụ chính vào sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất sản xuất nông nghiệp quá thấp 0,38 ha / lao động (Lã Văn Lý, 2009).

Nước ta vừa có đất ít, nhưng trong thời gian vừa qua, đất lúa bị mất với tốc độ khá nhanh. Ở những vùng khác, đất lúa giảm do chuyển đổi mục đích sang công nghiệp, dịch vụ và do quá trình đô thị hóa. Riêng ở ĐBSCL, chủ yếu là chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản, cây ăn trái.. Thời kỳ 1980-1985 đất lúa giảm 5,6%, thời kỳ 1985-1990 giảm 0,95%, thời kỳ 1990-2000 giảm 0,27%, thời kỳ 2000-2005 giảm 7,6%, trong ba năm 2005-2007 giảm 0,78%, tính chung trong 27 năm (1980-2007), đất lúa ĐBSCL giảm 344.800 ha (15,4%) (Nguyễn Thế Bình, 2009).

Mặc dù tỷ lệ chi phí sản xuất lúa ở ĐBSCL tương đối thấp so với các vùng khác nhưng vẫn còn cao và chiếm tới 50%. Thu nhập từ trồng lúa bao gồm cả lao động gia đình (lấy công làm lời) và lợi nhuận chiếm hơn 40% trong tổng thu (Dương Ngọc Thúy và Phạm Hoàng Ngân, 2009). Trong vụ lúa mùa mưa, năng suất thấp, phơi sấy khó khăn, nếu tính tổng chi phí bao gồm cả lao động gia đình thì thường nông dân huê vốn hoặc bị lỗ.

Hiệu quả kinh tế trong trồng lúa thấp không có động lực khuyến khích nông dân trồng lúa, đặc biệt những năm giá xuống thấp, điều này tiềm ẩn nguy cơ nông dân bỏ không trồng lúa, giảm diện tích gieo trồng (Dương Ngọc Thúy và Phạm Hoàng Ngân, 2009). Hiện tượng này đã từng xảy ra tại vùng đồng bằng sông Hồng. Năm 2005 có đến 6400 hộ thuộc 100 xã của tỉnh Thái Bình nông dân bỏ ruộng không cấy (Dương Ngọc Thúy và Phạm Hoàng Ngân, 2009).

Nội dung cải tiến giống cây trồng về tính chống chịu với những điều kiện bất lợi do môi trường chưa có những nghiên cứu cơ bản trên cơ sở cơ chế chống chịu, nhà chọn giống chưa hợp tác tốt với nhà sinh lý học, khoa học đất, thủy lợi (Bùi Chí Bửu, 2009). Nhà di truyền giống chưa hợp tác tốt với các nhà vi sinh vật học, thảo mộc bệnh học.. để nghiên cứu tạo ra những giống chống chịu dịch hại một cách bền vững. Nội dung nghiên cứu cải tiến giống cây trồng quá nghiêng về tính kháng sâu bệnh hại xét theo cơ sở di truyền của cây chủ nhiều hơn của ký sinh, do đó tính kháng trở nên kém bền vững (Bùi Chí Bửu, 2009). Việc cải tiến giống cây trồng có giá trị phẩm chất nông sản cao, đủ sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập quốc tế, chưa có được thành tựu mang tính đột phá. Việt nam chưa có bất cứ một giống lúa cao sản ngắn ngày nào do Việt nam lai tạo chọn lọc có chất lượng cao nổi tiếng quốc tế như giống Basmati của Ấn độ. Công nghệ hạt giống yếu kém đã hạn chế sự phát triển sản xuất trồng trọt của Việt nam trong 20 năm qua. Tại ĐBSCL suốt một thời gian dài, giống lúa xác nhận chỉ được trồng thấp hơn 2% diện tích gieo trồng. Từ năm 2001-2005, nhờ chương trình 1 triệu ha lúa xuất khẩu, năm 2003, diện tích trồng lúa xác nhận đạt 10%, năm 2005 tăng lên 32% bao gồm giống tương đương cấp xác nhận (Bùi Chí Bửu, 2009).

Thiếu kho, không dự trữ được lúa gạo sẽ rất khó để chủ động thực hiện điều tiết thị trường giá cả. Hàng triệu hộ nông dân vùng ĐBSCL đến mùa thu hoạch đồng loạt bán thóc ra thị trường, cung lớn hơn cầu làm cho giá giảm xuống. Trong 10 năm qua, ĐBSCL trang bị được khoảng 6.000 máy sấy, 30% lúa Hè Thu được sấy. Máy sấy tĩnh vĩ ngang có công nghệ lạc hậu cách đây 20 năm và hao hụt đến 3,3-3,9%. Cả nước hiện có thể tích kho chứa được 2 triệu tấn, kho cuốn và kho khung thép, công nghệ lạc hậu, thông thoáng tự nhiên, đảo trộn bốc dỡ thủ công, tổn thất lên đến 4,5% sau 3 tháng tồn trữ (Đoàn Xuân Hòa, 2009). Công nghệ xay xát tổn thất ghê gớm do khâu làm khô không tốt (còn 15- 17% khi xay xát, thậm chí 18-19%, trong khi yêu cầu chuẩn phải dưới 15%). Xay đúng 14% ẩm độ thì thu hồi 68% gạo nguyên và tấm, trong đó 52-54% gạo nguyên, nhưng với qui trình ngược thì chỉ đạt 60-66%, trong đó gạo nguyên chỉ đạt 40-48% (Đoàn Xuân Hòa, 2009).

IV) Các đề xuất để vượt qua thách thức và khắc phục khiếm khuyết

1) Một số nguyên tắc chung

-Đối với đất nước Việt nam, ANLTQG cần phải đảm bảo một nguyên tắc cơ bản là đất nước sản xuất đủ lượng gạo cho tiêu dùng của toàn dân tộc trong bất cứ thời điểm nào và hoàn cảnh nào và những người nghèo ở thành thị cũng như nông thôn, kể cả vùng sâu, vùng xa, hải đảo đều có đủ tiền để mua gạo được, hoặc được cung cấp lượng gạo tối thiểu cho cuộc sống hàng ngày của họ. Hai điều kiện quan trọng là (i) nguồn lương thực thực phẩm, đặc biệt là gạo phải đảm bảo tính sẵn có thông qua quá trình sản xuất hiệu

quả và (ii) đa số người dân có nghề nghiệp, được trả công có tiền để mua lương thực thực phẩm. Muốn được như vậy thì mọi miền trong cả nước đều phải cùng nỗ lực và mỗi địa phương cần có những chính sách đặc biệt để đảm bảo sản xuất ra được một lượng lúa gạo lớn và bền vững đồng thời phát huy thế mạnh tại chỗ để sản xuất ra các loại lương thực thực phẩm bản địa khác như các cây cóc, đậu, củ, rau v.v... Việc rà soát lại tất cả những chính sách hiện có, xem xét mức độ khả thi cao hay thấp của từng chính sách, và mức độ hiệu quả của từng chính sách nhằm đề ra các cải tiến cần thiết hoặc đề ra những chính sách mới để đạt được mục tiêu trong từng giai đoạn và cả trong thời gian dài là hết sức cần thiết.

-Đồng bằng sông Cửu long là một vùng nông nghiệp tương đối đồng nhất với cây lúa là chủ đạo, do đó nên chăng cần có một tổ công tác, có thể tạm gọi là: "Tổ công tác tam nông" nằm trong Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ để phối hợp với các Bộ ngành trung ương và các ủy ban nhân dân 13 tỉnh thành vùng ĐBSCL để xây dựng những kế hoạch khả thi qua từng thời kỳ, theo dõi việc triển khai các chương trình, đề án, hơp rút kinh nghiệm định kỳ hoặc đột xuất để có thể điều chỉnh các hoạt động kịp thời, nhằm đạt được hiệu quả cao..

-Những hoạt động phát triển kinh tế xã hội phải được bàn bạc dân chủ để toàn dân hiểu rõ thấu đáo, đồng tình ủng hộ và tích cực tham gia. Tuy nhiên đòn bẩy kinh tế là vô cùng quan trọng. Để cho vùng ĐBSCL có thể làm tròn vai trò quan trọng nhằm góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, việc phân định rõ ràng các cấp độ đầu tư và các mối quan hệ phối hợp là hết sức quan trọng. Có một số kiểu đầu tư quan trọng như: (i) Hoàn toàn do ngân sách trung ương đầu tư (TUĐT): đây là những công trình có tầm vóc quốc gia, thí dụ như sân bay, cảng quốc tế, trục quốc lộ, đê biển, trồng rừng phòng hộ ven biển (ii) Hoàn toàn do ngân sách cấp tỉnh đầu tư (CTĐT): đây là những đầu tư vào các cơ sở dịch vụ nông nghiệp, các trục giao thông trong nội bộ tỉnh hoặc các công trình thủy lợi tầm trung bình, các kênh dẫn nước nhỏ, các trạm bơm điện v.v. ... (iii) Kết hợp giữa ngân sách địa phương và nhân dân (ĐPĐT&ND): đây là những dịch vụ nhỏ, những công trình nhỏ, thí dụ như đường giao thông nông thôn, (iv) Tư nhân đầu tư (TNĐT): đây là những loại đầu tư do tư nhân bỏ vốn ra, có thể là tư nhân nước ngoài hoặc tư nhân trong nước. Đây là lãnh vực đầu tư quan trọng nhất cho phát triển trong tương lai. Trong trường hợp này, chính quyền ở các địa phương cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để họ bỏ vốn ra làm ăn đặc biệt là trong các lãnh vực công nghệ sau thu hoạch, chế biến nông sản, thu hồi vốn nhanh, có lợi nhuận nhanh, góp phần tạo công ăn việc làm cho nhân dân địa phương, đồng thời đóng thuế cho nhà nước. Nhà nước nên công bố công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, các chính sách khích lệ để họ mạnh dạn đầu tư. Nhà đầu tư sẽ thu lại tiền từ các sản phẩm họ bán ra hoặc các dịch vụ mà họ phục vụ cho nông dân trong vùng.

2) Trồng lúa phải có lời để thu hút và giữ chân nông dân tại nông thôn

-Giảm bớt khó khăn của nông dân trong khâu tiêu thụ lúa hàng hóa. Phần lớn nông dân trồng lúa ở ĐBSCL có diện tích nhỏ, khoảng 1 ha / hộ. Đối với những hộ nhỏ này, khi thu hoạch chỉ đạt khoảng 6-7 tấn lúa. Trong trường hợp giá lúa trên thị trường lúc thu hoạch là cao thì họ có thể bán lúa tươi ngay tại ruộng cho thương lái khi họ tính toán là đã có lời khá. Tuy nhiên nếu lúc thu hoạch mà giá lúa sụt giảm thì họ không muốn bán ngay để chờ giá lên. Trong trường hợp đó, lúa cần phải được phơi khô để có thể tồn trữ một thời gian dài. Đối với vụ Đông Xuân, thu hoạch vào tháng 2-3, ngay trong mùa nắng, không có khó khăn lớn vì người dân có thể mua lưới cước, trải ra tại ruộng và phơi lúa chạy mông trong một vài ngày, sau đó chở về nhà và tiếp tục phơi thật khô, tồn trữ dài hạn để chờ giá lên. Nếu thu hoạch lúa Hè Thu trong mùa mưa, cần phải có phương tiện phơi sấy kịp thời trên bãi đất cao. Chính quyền từng tỉnh nên rà soát lại số lò sấy hiện có trong địa phương mình, vị trí có thuận lợi cho dân không, năng lực sấy được bao nhiêu v.v. để có chủ trương củng cố năng lực sấy lúa trên địa bàn. Mặt khác cần giúp từng hộ nông dân phơi lúa chạy mông. Thống kê lại các hộ chưa có sân phơi bằng bê tông, hoặc có nhưng đã hư hỏng cần sửa chữa. Diện tích sân chỉ cần 100-200 m². Trước đây đã có kỹ thuật dùng màng polyethylene (PE) trong suốt nhằm khai thác hiệu ứng nhà kính để phơi lúa. Tuy nhiên việc kéo mái che rất khó khăn vì màng PE mỏng, dễ rách. Hiện nay nông dân đã sáng tạo bằng cách dùng bạt PP, mặc dù không tăng nhiệt độ nhiều, nhưng chống được nước mưa làm ẩm lúa do đó phơi lúa chạy mông hiệu quả. Chính quyền từng tỉnh nên có chủ

trương cho nông dân vay vốn, được bù 100% lãi suất ngân hàng trong vòng một năm từ ngân sách địa phương để đạt được mục tiêu 100% số hộ dân trồng lúa có sân xi măng và bạt PP phơi lúa chạy mộng.

-Giảm thất thoát trong khâu cắt, gom và suốt lúa: Hiện nay, máy gặt đập liên hợp chưa nhiều. Phần lớn lúa được gặt bằng tay hoặc máy gặt xếp dãy. Sau đó lúa được gom tập trung lại và suốt bằng máy suốt. Tổng thất thoát trong khâu cắt, gom và suốt là khoảng 4%. Các loại máy gặt đập liên hợp đang hoạt động tại ĐBSCL có thất thoát trung bình là 2%. Nếu toàn bộ diện tích tại đồng bằng được thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp với mức giảm thất thoát là 2% thì sản lượng lúa tăng thêm được là 400.000 tấn. Với thời giá 4000 đồng / 1 kg lúa thì giá trị bằng tiền tương ứng là 1600 tỷ đồng. Hiện nay máy gặt đập liên hợp đã giải quyết được 15% nhu cầu. Còn cần khoảng 10000 cái nữa để thu hoạch lúa Đông Xuân trong một tháng và lúa Hè Thu một tháng. Nên có chủ trương khích lệ các chủ máy suốt, các nông dân nghèo chuyên đi gặt lúa mướn, hùn tiền lại mua máy gặt đập liên hợp để làm dịch vụ. Điều này giúp lao động nghèo gia tăng thu nhập, giảm thất thoát trong khâu cắt, gom, suốt. Lãi suất ngân hàng mà nông dân vay để sản xuất hiện nay là 18% / năm. Tổng cộng hai năm là 36%. Tổng giá trị của 10.000 máy là 2000 tỷ đồng. Nếu chính quyền tại 13 tỉnh thành trong vùng thống nhất hỗ trợ 100% lãi suất cho dân trong vòng 2 năm, thì tổng ngân sách phải chi ra là 720 tỷ đồng, không đến 50% phần lợi mang lại cho xã hội là 1600 tỷ đồng. Đó là chưa kể từ năm thứ ba trở đi, những nông dân nghèo tham gia các hợp tác xã bỏ vốn đầu tư sẽ tiếp tục thu lợi ở những năm sau.

+Hình thành các khu dịch vụ phơi sấy, tồn trữ tập trung.

Hiện nay chính phủ có chủ trương hỗ trợ lãi suất ngân hàng để Tổng công ty lương thực miền Nam, miền Bắc và các công ty thành viên xây dựng kết cấu hạ tầng để có thể chứa được 4 triệu tấn lúa khô. Từng tỉnh trong vùng ĐBSCL nên chủ động làm việc với tổng công ty lương thực miền Nam để khẩn trương triển khai kế hoạch này. Mỗi tỉnh nên bàn bạc với các huyện để hình thành các cụm phơi sấy, tồn trữ dài hạn cấp huyện hoặc liên huyện. Cần bàn bạc thật dân chủ với dân để chọn lựa địa điểm thật phù hợp để vận chuyển lúa tươi từ đồng ruộng nông dân đến bằng cả đường thủy và đường bộ và vận chuyển lúa khô đi đến các khu vực xay xát tập trung hiện đại. Cần trang bị các trang thiết bị bốc dỡ cơ giới hóa, tự động hóa. Cần tránh vết xe đổ của vựa trái cây tập trung tại Tiền Giang. Sau khi xây xong, không ai đem trái cây vô vựa nên ban quản lý phải cho công ty mướn Trí Hải thuê để bán mướn. Sau khi xác định được vị trí, vận động nông dân trong vùng hưởng lợi mua cổ phần giải phóng mặt bằng, thổi đất tôn nền. Xây nền móng, nhà xưởng, trang thiết bị sẽ do công ty tư nhân đảm nhiệm. Nông dân có đóng góp cổ phiếu mặt bằng sẽ được chia cổ tức từ công ty kinh doanh dịch vụ. Từng tỉnh, khích lệ các công ty kinh doanh lương thực trong tỉnh, hoặc các thương lái đi thu mua lúa đạo bằng ghe thuyền trước đây hùn tiền lại, đứng ra đầu tư xây dựng kho tàng, sân phơi, lò sấy, để kinh doanh. Các lệ phí mà chủ đầu tư có thể thu lại là: cho thuê sân phơi, sấy lúa thuê, cho dân thuê kho gởi lúa khô, cho tổng công ty thuê kho tồn trữ lúa khô đã mua. Nếu có tư nhân xây dựng nhà máy xay xát luôn trong cùng một cụm thì rất tốt. Nhà nước không nên đầu tư vào lĩnh vực này vì quản lý kém sẽ không hiệu quả. Không nên đầu tư dàn trải. Ưu tiên cho huyện nào huy động được dân mua cổ phiếu để mua đất làm nền và san lấp mặt bằng thì ưu tiên cho huyện đó, xã đó. Nhà nước trung ương hỗ trợ 100% lãi suất ngân hàng trong vòng hai năm, để chủ đầu tư vay vốn đứng ra thành lập cụm chế biến lúa gạo. Du nhập công nghệ tồn trữ yếm khí dạng cái kén (cocoon) có bổ sung CO₂ dạng khí hoặc dạng rắn dễ bốc hơn, các loại silo để dự trữ lúa lâu dài từ 1 đến 2 năm nhưng không giảm phẩm chất lúa gạo. Nhân mạnh khía cạnh kinh doanh dịch vụ khai thác kết cấu hạ tầng để đảm bảo tính bền vững của công trình. Hạt lúa phải được phơi, sấy khô dưới 14% ẩm độ thì mới đưa vào xay xát để gia tăng chất lượng gạo xay chà và tỷ lệ gạo nguyên. Có chính sách khích lệ thương lái thu mua lúa tươi của nông dân, chở về các khu dịch vụ sấy tập trung, tồn trữ và bán dần cho các doanh nghiệp kinh doanh lương thực. Chấm dứt ngay qui trình phản khoa học tồn tại dai dẳng bấy lâu nay là xay xát lúa ướt ở ẩm độ 16-17%.

-Trong từng mùa vụ vào giai đoạn sắp thu hoạch, các nhà kinh tế học thuộc các Viện nghiên cứu nhà nước, cần điều tra nghiên cứu để xác định một cách khoa học, chính xác, đầy đủ tất cả các chi phí, kể cả các chi phí cơ hội như lao động gia đình, lãi xuất ngân hàng v.v., để xác định giá bán tối thiểu nhằm đảm bảo

cho nông dân trồng lúa có lời. Nhà nước trung ương cần chủ trương thành lập quỹ dự phòng để hỗ trợ nông dân trồng lúa trong những lúc giá lúa xuống thấp. Quỹ này do các doanh nghiệp đóng góp vào những năm kinh doanh có lời, lợi nhuận nhiều từ nông dân vào những năm trúng mùa được giá, và một phần ngân sách nhà nước.

+ Khuyến nông trong sản xuất lúa gạo:

Chi phí cho công tác khuyến nông của Việt nam rất thấp so với Thái Lan và Philippines, nhưng thực tế đã chứng minh rằng năng suất lúa của Việt nam hiện nay là cao nhất so với các nước ở vùng Đông Nam Á. Tuy nhiên chúng ta không nên tự mãn về vấn đề này. Chúng ta cần dùng ngân sách trung ương và địa phương để đầu tư mạnh cho công tác khuyến nông nhằm gia tăng năng suất, gia tăng chất lượng lúa gạo, đảm bảo không chế chủ động với dịch hại, giảm tối đa thất thoát sau thu hoạch để đưa ngành sản xuất lúa gạo của ta lên tầm cao mới, công nghiệp hóa hiện đại hóa.

+ Về vấn đề giống lúa và lúa giống.

Giống lúa và lúa giống là yếu tố quan trọng trong sản xuất lúa gạo trong vùng. Các công ty kinh doanh lương thực cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu cần xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung cho chính mình để có lượng lúa hàng hóa lớn, đồng nhất, để chế biến ra loại gạo mà phẩm chất bên trong được kiểm soát chặt chẽ, có đăng ký thương hiệu riêng và đảm bảo ổn định chất lượng lâu dài. Công ty phải chọn cho mình một giống lúa hiện có, đã được công nhận để trồng trọt hoặc đặt hàng cho các nhà khoa học ở các Viện Trường lai tạo chọn lọc ra cho mình giống lúa có đặc điểm mà mình đã có thị trường theo thị hiếu của người tiêu dùng trong nước cũng như nước ngoài. Về phía các nhà di truyền chọn giống ở các Viện trường, cần chia ra những tiểu vùng cụ thể để có định hướng tạo giống phù hợp cho từng vùng sinh thái như vùng đất phù sa, vùng đất phèn, vùng đất mặn.... Ngoài ra chế độ thủy văn, mưa bão, ánh sáng mặt trời, phản ứng của đất, mức độ sâu bệnh rất khác nhau giữa mùa nắng và mùa mưa, do đó cần có chiến lược tạo giống lúa cho mùa nắng và mùa mưa riêng biệt. Biến đổi khí hậu toàn cầu sẽ dẫn đến nước mặn xâm nhập sâu hơn vào đất liền, mực nước ngập sâu hơn vào những thời điểm triều cường và nước rút chậm hơn, do đó cần có những giống lúa chịu mặn, chịu ngập tốt hơn. Các nhà di truyền giống cần tăng cường phối hợp với các nhà khoa học đất, nhà môi trường học, nông học, côn trùng học, thảo mộc bệnh học để có chiến lược tạo giống tốt chống chịu với điều kiện bất lợi của môi trường cũng như dịch hại tấn công cây lúa. Viện trường nên thiết lập các trạm trại vệ tinh ở các tiểu vùng sinh thái khác nhau tại ĐBSCL để nghiên cứu về giống và kỹ thuật canh tác lúa. Mỗi một giống lúa được công nhận chính thức cần có đăng ký bảo hộ quyền tác giả. Những công ty nhân giống lúa để kinh doanh, những doanh nghiệp kinh doanh lúa gạo trên những giống đã được bảo hộ có trách nhiệm đóng góp tài chính cho tác giả để tăng cường nguồn lực tài chính cho lai tạo chọn lọc ra các giống lúa mới tiếp theo.

Sản xuất lúa hàng hóa từ hạt lúa giống cấp xác nhận luôn cho năng suất và chất lượng lúa gạo gia tăng. Tuy nhiên ở vùng ĐBSCL tỷ lệ sử dụng giống cấp xác nhận và tương đương chỉ được khoảng 32%. Giống tương đương cấp xác nhận là giống được nhân lên từ các hợp tác xã, câu lạc bộ, địa chỉ xanh.... có sử dụng nguồn giống nguyên chủng, phần lớn có kiểm định đồng ruộng nhưng không có kiểm nghiệm trong phòng và không được cấp chứng chỉ bởi một phòng kiểm nghiệm đủ tiêu chuẩn qui định. Phần lớn nông dân tự giữ giống hoặc trao đổi với láng giềng nên chất lượng hạt giống kém. Nên cổ phần hóa các trung tâm giống, các công ty giống thuộc sở hữu nhà nước ở các tỉnh trong vùng để các đơn vị này chủ động kinh doanh giống cây trồng. Các tỉnh cần xây dựng chính sách khuyến khích các công ty tư nhân tổ chức sản xuất và kinh doanh hạt giống. Các chính sách hỗ trợ có thể là được đào tạo tập huấn miễn phí về kỹ thuật nhân giống lúa, hỗ trợ 100% lãi suất ngân hàng trong vòng hai năm để mua các máy móc, thiết bị phục vụ cho công tác nhân giống như: sân phơi, nhà kho trữ lúa, máy làm đất, bơm nước, phun thuốc, máy cấy, máy gặt đập liên hợp, máy đo ẩm độ, máy sấy, máy sàng lọc giống, các silo tồn trữ kín hạt giống v.v....

+ Về vấn đề thời vụ.

Cần có giải pháp mạnh, hữu hiệu bằng thuyết phục và cả đòn bẩy kinh tế để cắt đứt tập quán trồng lúa liên tục quanh năm tại ĐBSCL. Nên bỏ hẳn vụ lúa Xuân Hè gieo sạ trong tháng 2 tháng 3. Sau khi thu hoạch lúa Đông Xuân vào khoảng tháng 2 tháng 3, cần phải cày đất phơi ải khoảng vài ba tuần để cho đất mùn khóa, khoáng hóa, giải độc và cắt cầu nối côn trùng, nhất là rầy nâu. Sau khi thu hoạch lúa Thu Đông, cũng nên có thời gian cách ly khoảng một vài tuần để hạn chế lan truyền sâu bệnh, nhất là rầy nâu truyền bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá. Một năm có được khoảng hai đợt không có lúa trên toàn đồng bằng sẽ góp phần giảm áp lực dịch hại trong vùng. Diện tích lúa mùa địa phương còn khoảng một vài trăm ngàn ha trong vùng, cần phải được quản lý chặt chẽ bằng các biện pháp sinh học, sinh môi học để hạn chế đến mức thấp nhất sự lan truyền sâu bệnh từ lúa mùa sang lúa cao sản.

+ Về vấn đề thủy lợi phục vụ ngành trồng lúa:

-Trong thời gian qua, thủy lợi đã đóng một vai trò quan trọng trong việc ngăn mặn, tháo chua rửa phèn, dẫn nước ngọt phục vụ tích cực cho khai hoang phục hóa và tăng vụ ở nhiều vùng đất, giúp gia tăng năng suất và sản lượng ở vùng ĐBSCL. Tuy nhiên những thách thức và tồn tại cần được giải quyết để tiếp tục phát triển.

-Các nước ở thượng nguồn đang có kế hoạch xây các đập giữ nước lại ở các sông nhánh và trên cả dòng chính của sông Mê công để sử dụng nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và cho sản xuất thủy điện. Điều này có thể làm thay đổi nghiêm trọng đến lượng nước cung cấp xuống vùng hạ du nhất là vào mùa nước kiệt. Ngoài ra, việc xây đập sẽ thay đổi môi sinh, những bãi đẻ của nhiều loài thủy sản đang sinh sống trên sông hoặc ở lưu vực của nó. Việt nam, với tư cách là một thành viên của ủy ban quốc tế sông Mê công, cần phải đấu tranh kiên quyết trong tất cả các cuộc họp để bảo đảm được nguồn nước đổ về hạ lưu của con sông thuộc lãnh thổ Việt nam. Nếu có xây đập thì chỉ chấp nhận ở những con sông nhánh và chỉ duy nhất mục đích sản xuất thủy điện mà không kết hợp phục vụ trồng trọt. Nước trữ trong đập khi được dùng cho trồng trọt sẽ bị mất do bốc hơi vật lý và thoát hơi nước qua lá cây trồng do đó sẽ giảm nguồn nước đổ về hạ du. Nếu chỉ đơn thuần là đập thủy điện thì trong mùa mưa, nguồn nước dồi dào, đập có nước liên tục để sản xuất điện. Đập tiếp tục giữ nước trong mùa mưa và xả nước ra trong mùa nắng sẽ góp phần đẩy nước mặn ra xa ở miền hạ du thuộc Việt nam. Việt nam cũng nên tranh thủ trao đổi trực tiếp với từng quốc gia như Lào, Cambodia, Thái Lan.. để hợp tác song phương xây dựng các đập phục vụ sản xuất thuần điện và xả nước theo lịch đã thống nhất trước để không gây ảnh hưởng xấu đến thủy văn, môi trường tại nước ta.

- Biến đổi khí hậu làm cho mực nước biển dâng cao, nhiều vùng đất rộng lớn ở đồng bằng sẽ bị ngập chìm nhiều tháng trong năm. Vùng bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn sẽ rộng hơn. Những sự ứng phó với thách thức này ngay từ bây giờ là thật sự cần thiết. Duy trì ranh giới giữa đất liền và biển như hiện trạng bây giờ là rất quan trọng. Nên dành ngân sách trung ương để đầu tư thỏa đáng cho tuyến đê biển vững chắc, vĩnh cửu từ rừng ngập mặn Cần Giờ dọc biển Đông đến biển Tây và đến vùng Hà Tiên giáp biên giới Cambodia. Đặc biệt ưu tiên vùng biển Tây vì sạt lở ở phía này rất nghiêm trọng do không có nhiều cồn cát do phù sa ở cửa sông bồi lắng như ở biển Đông, đồng thời gió Tây Nam rất mạnh tạo ra những đợt sóng lớn trong vịnh Thái lan. Quy hoạch mặt đê đủ rộng để trở thành đường giao thông luôn. Dãy đất bên ngoài đê cần đủ rộng vài ba cây số để tổ chức trồng rừng ngập mặn từ ngân sách trung ương. Sau khi có rừng, việc bảo vệ và phát triển rừng do từng tỉnh có bờ biển đảm nhiệm. Cần hoàn thiện chính sách quản lý rừng để thu hút sự tham gia tích cực của người dân. Hình thành các hợp tác xã, gồm những xã viên là thanh niên nghèo ở địa phương tham gia quản lý rừng. Cần tính toán diện tích phù hợp để những cặp thanh niên đôi mươi hiện tại khi gần bố lâu dài ba bốn chục năm với vài chục ha rừng thì lúc về già, cùng con cái của họ có được giấy chủ quyền rừng về mình. Cuộc sống của họ từ thế hệ này sang thế hệ khác được khá giả lên nhờ những sản phẩm thủy sản như tôm cua cá từ rừng và những sản phẩm gỗ đến chu kỳ khai thác. Duy trì cuộc sống của các xã viên ổn định trong những năm đầu trước khi có thu nhập từ rừng thì do ngân sách từng tỉnh chịu trách nhiệm. Rừng ven biển vững chắc sẽ bảo vệ được đê và giảm thiểu tốc độ xâm nhập và mức tàn phá của nước biển dâng cao vào đất liền.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn với Bộ Giao thông vận tải và Bộ xây dựng là hết sức quan trọng. Trước đây, nước lũ tràn đồng, ít bị cản dòng. Bây giờ nhiều tuyến đường ngang dọc đã được xây dựng, có những con sông nhỏ bị lấp luôn mà không thiết kế cống qua lộ, nếu có thì khẩu độ cũng không đủ rộng để thoát nước nhanh. Công trình khu công nghiệp và đô thị cũng cản trở dòng chảy. Nước thải từ khu công nghiệp và đô thị không được xử lý mà thải trực tiếp ra sông rạch ảnh hưởng xấu đến môi trường, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi và trồng trọt. Do lịch sử để lại từ xưa, những khu nhà ở xây dựng sát ven sông là không hợp lý. Cần nghiên cứu sự liên kết các tuyến lộ hiện có và những tuyến lộ mới để hình thành những khu vực khép kín nhằm ứng phó với nước biển dâng cao, nước mặn xâm nhập sâu. Dọc bên bờ lề của những con đường vành đai này cần dành chỗ để xây dựng thêm bờ tường cao ngăn nước khi cần thiết. Đô thị phải nằm bên trong các vành đai khép kín. Bên dưới đường vành đai này cần thiết lập hệ thống những cống có nắp cả bên trong và bên ngoài, có thể đóng và mở dễ dàng bằng cơ học hoặc tự động hóa được điều khiển dễ dàng hiệu quả theo ý muốn của cộng đồng dân cư bên trong vành đai. Toàn đồng bằng cần thiết lập hàng trăm khu vành đai khép kín, đặc biệt là ở những vùng ngập nông và nguy cơ xâm nhập mặn cao. Trong khu đô thị, hệ thống dẫn nước mưa phải được thiết kế riêng. Nước thải sinh hoạt phải có đường ống riêng dẫn đến các nhà máy xử lý tập trung trước khi thải ra môi trường. Vào mùa mưa, lúc triều cường (ngày rằm và 30 âm lịch), các cống được đóng nắp bên ngoài, và lượng nước mưa đổ xuống bên trong vành đai sẽ được bơm ra bằng những trạm bơm điện tập trung. Vào mùa nắng, vành đai sẽ ngăn mặn xâm nhập vào nội đồng. Đầu mùa mưa, vào những con nước kém (mùng 10 và 25 âm lịch), nắp bọng bên trong được kéo lên và chỉ để nắp bọng bên ngoài hoạt động, nước mưa được dùng để thao chua rửa mặn trước khi bắt đầu gieo trồng lúa. Những vùng lũ ngập sâu, không xây dựng những vành đai khép kín, mà hình thành các đê lững bên trong nội đồng chỉ để bảo vệ tạm thời không cho lũ chụp lúa Hè Thu và bơm thoát nước ra sớm để gieo sạ vụ lúa Đông Xuân. Những cánh đồng ở đây được xả lũ hàng năm để lấy phù sa gia tăng độ màu mỡ của đất.

Ở các vùng ven biển, hệ thống luân canh lúa-tôm sú là bền vững hơn nuôi tôm sú độc canh liên tục như trước đây. Tuy nhiên trong tương lai, diện tích đất bị xâm nhập mặn ngày càng lớn, nguồn nước ngọt cho sinh hoạt trong mùa nắng ngày càng thiếu. Cần kích lệ hệ thống lúa- thủy sản, nhưng là thủy sản nước ngọt để hình thành nhiều hồ chứa nước ngọt vào mùa nắng trong vùng. Chung quanh ruộng cần phải được đào mương bên trong và đắp bờ đê cao chung quanh. Sau khi thu hoạch lúa Thu Đông vào tháng 10, khi nước dưới sông chưa mặn, nước ngọt được bơm thật nhiều vào và ruộng biến thành một hồ nước ngọt trong mùa nắng. Hồ nước này được sử dụng để nuôi những loài thủy sản nước ngọt như tôm càng xanh, cá rô phi v.v... và những loài thủy sản nước ngọt có giá trị kinh tế khác. Các vùng rừng tràm, nếu thiết lập được những hồ lớn hàng ngàn ha. để giữ nước thì sẽ giúp giữ và cung cấp được lượng nước ngọt càng nhiều cho sản xuất và đời sống trong mùa nắng. Khi diện tích bị xâm nhập mặn càng rộng, mùa vụ lúa cũng sẽ thay đổi để thích ứng. Lúa mùa mưa sẽ có xu hướng chuyển dịch muộn hơn để nước mưa có đủ thời gian rửa mặn và vụ Thu Đông sẽ trở thành vụ chính trong mùa mưa. Vụ lúa Đông Xuân sẽ gieo tập trung trong tháng 12 và khi lúa kết thúc giai đoạn đẻ nhánh, nước ngọt sẽ được bơm thật nhiều vào ruộng và giữ lại đó để đảm bảo cho lúa đủ nước tới chín, ngay cả khi nước dưới sông đã mặn. Hai vụ lúa ăn chắc với năng suất thật cao là chủ đạo để đảm bảo an ninh lương thực

2) Giữ cố định diện tích đất trồng lúa

Trước hết cần có định nghĩa rõ ràng dứt khoát về đất trồng lúa. Đất trồng lúa được hiểu là một mảnh đất được trồng ít nhất một vụ lúa trong năm. Những khoảng thời gian khác trong năm có thể luân canh với thủy sản nước lợ, thủy sản nước ngọt, hoặc các cây trồng cạn ngắn ngày. Điều này sẽ giúp cho nông dân linh hoạt trong sản xuất thích nghi với biến động của môi trường, thị trường, giúp họ gia tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống.

Đồng bằng sông Cửu long không thể làm giàu chỉ từ cây lúa. Nông dân vùng này trồng lúa để góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Chính phủ nên có chủ trương dành một phần ngân sách thỏa đáng từ

nguồn thu công nghiệp, thương mại, dịch vụ để phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất, nghiên cứu chuyên giao, thu mua bảo quản chế biến lúa gạo nhằm duy trì và phát triển bền vững ngành hàng này trong vùng.

Đối với những khu công nghiệp tập trung do trung ương quản lý, các sân bay, bến cảng, giao thông, thủy lợi, công trình giáo dục, y tế, quốc phòng, phúc lợi công ích ..., nhà nước cần qui hoạch và bỏ vốn ra mua hẳn đất lúa của dân để hình thành quỹ đất công để sử dụng bất cứ khi nào cần. Tôn nền và nếu chưa sử dụng thì cho nông dân thuê hàng vụ, hàng năm để trồng rau màu.. Cần phải xác định chính xác trên bản đồ và trên thực địa. Loại bỏ kiểu qui hoạch chỉ trên giấy, gây khó khăn cho nông dân, không biết khi nào phải di dời.

Từng tỉnh cũng có nhu cầu phát triển các kết cấu hạ tầng, khu công nghiệp, thương mại dịch vụ, khu đô thị.. cho chính mình. Từng tỉnh cũng cần xác định cần bao nhiêu đất, vị trí ở chỗ nào, phải tính toán cho thật đầy đủ, kỹ lưỡng về lâu về dài..và dùng ngân sách của tỉnh để mua hẳn những mảnh đất ruộng đó của nông dân. Sau đó dùng ngân sách tỉnh để thuê thổ cát tôn nền lên cao. Trong quá trình kêu gọi đầu tư, chính quyền tỉnh cho nông dân xung quanh thuê đất từng vụ, từng năm để trồng các cây trồng ngắn ngày, rau màu và nộp tiền thuê đất lại cho tỉnh, tránh tình trạng bỏ đất hoang nhiều năm trong quá trình chờ xây dựng.

Sau khi thiết lập một hệ thống quỹ đất công xong, cần phải có nhiều biện pháp kiên quyết để giữ được đất lúa về lâu về dài vì an ninh lương thực. Trong tương lai, nếu có một nhu cầu đặc biệt nào đó cần phải xây dựng công trình trên đất lúa, mà thời điểm hiện tại không hình dung ra được, thì phải với điều kiện là trần nhà của công trình đó (thường chỉ nên từ một đến hai tầng) phải có mái bê tông vững chắc làm bằng vật liệu chống thấm, và trồng lúa được trên sân thượng nhiều vụ trong năm. Như vậy đất lúa sẽ không bị mất theo thời gian.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Chí Bửu (2009). Bài học kinh nghiệm về công tác giống cây trồng trong phát triển nông nghiệp. Kỷ yếu hội thảo khoa học:”Chiến lược bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và quy hoạch đất trồng lúa đến 2020, tầm nhìn đến 2030”, Cần Thơ tháng 5 năm 2009. Trang 58-64.
- Dương Ngọc Thúy và Phạm Hoàng Ngân (2009). Thực trạng cung cầu lương thực, đề xuất chính sách bảo đảm an ninh lương thực ở Việt nam. Kỷ yếu hội thảo khoa học:”Chiến lược bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và quy hoạch đất trồng lúa đến 2020, tầm nhìn đến 2030”, Cần Thơ tháng 5 năm 2009. Trang 15-23.
- Đoàn Xuân Hòa (2009). Công nghệ sau thu hoạch và công nghệ chế biến trong chiến lược an ninh lương thực quốc gia. Kỷ yếu hội thảo khoa học:”Chiến lược bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và quy hoạch đất trồng lúa đến 2020, tầm nhìn đến 2030”, Cần Thơ tháng 5 năm 2009. Trang 53-57.
- Đỗ Kim Chung và Lưu Văn Duy (2009). An ninh lương thực và thực phẩm: một số vấn đề lý luận, thực tiễn và định hướng chính sách cho Việt nam. Kỷ yếu hội thảo khoa học:”Chiến lược bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và quy hoạch đất trồng lúa đến 2020, tầm nhìn đến 2030”, Cần Thơ tháng 5 năm 2009. Trang 1-14.
- FAO (1999). Nutrition Country Profile: Vietnam, Rome: FAO, [www..fao.org/es/esn/nutrition/ncp/viemap.pdf](http://www.fao.org/es/esn/nutrition/ncp/viemap.pdf).
- Lã Văn Lý (2009). Tích tụ ruộng đất gắn với tổ chức sản xuất trên đất trồng lúa ở Việt nam. Kỷ yếu hội thảo khoa học:”Chiến lược bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và quy hoạch đất trồng lúa đến 2020, tầm nhìn đến 2030”, Cần Thơ tháng 5 năm 2009. Trang 41-46.
- MARD (2001). The state of food security in Vietnam: Progress since the 1996 World Food Summit. Department of Planning and Projection, MARD, October 2001, Hanoi.

Nguyễn Thế Bình (2009). Quy hoạch, quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng đất lúa ở vùng đồng bằng sông Cửu long, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.Kỷ yếu hội thảo khoa học:”Chiến lược bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và quy hoạch đất trồng lúa đến 2020, tầm nhìn đến 2030”, Cần Thơ tháng 5 năm 2009. Trang 70-83.

Oxfarm (2001). Rice for the poor and trade liberalization in Vietnam, Hanoi: Oxfarm.

Vũ Văn Thặng (2009). Giải pháp thủy lợi cho chương trình phát triển lương thực ở Việt nam.Kỷ yếu hội thảo khoa học:”Chiến lược bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và quy hoạch đất trồng lúa đến 2020, tầm nhìn đến 2030”, Cần Thơ tháng 5 năm 2009. Trang 47-52.

[Ghi chú: Bài này đã được báo cáo trong Hội thảo”Cây lúa Việt nam”ngày 1 tháng 12 năm 2009 nhân dịp Festival Lúa gạo Việt nam lần thứ nhất được tổ chức tại Vị Thanh, Hậu Giang từ ngày 28 tháng 11 đến 2 tháng 12 năm 2009]